

## MỘT SỐ NÉT CHÍNH NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Ngày 08/08/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **286/QĐ-SGDHCM** cho phép Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 17/08/2017, Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **VPB**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Tên gọi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Tên Tiếng anh: VietNam Prosperity Joint Stock Commercial Bank

Tên viết tắt: VPBANK

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 (043) 9288869

Fax: +84 (043) 9288867

Website: [www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn)

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993 và thay đổi lần thứ 38 ngày 10/7/2017.

Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP số 0042/NH-GP ngày 12/8/1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và được sửa đổi, bổ sung gần nhất tại Quyết định số 1426/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017.

Vốn điều lệ: **14.059.086.350.000 đồng** (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng)

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

**Ngày 12/08/1993:** Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0042/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và chính thức hoạt động vào ngày 04 tháng 09 năm 1993 theo Giấy phép thành lập số 1535/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

**Từ năm 1994 đến năm 2004:** đây là khoảng thời gian mà VPBank tích cực mở rộng mạng lưới và phát triển sản phẩm, nhằm chiếm lĩnh thị phần, tăng lượng khách hàng giao dịch. Nhiều chi nhánh và phòng giao dịch của VPBank đã được khai trương trong thời gian này.

#### Năm 2005:

- ✓ Tháng 01/2005: VPBank mở chi nhánh cấp I tại Hà Nội, Huế và Sài Gòn
- ✓ Ngày 12/01/2005: VPBank được Union Bank of California công nhận đã đạt chuẩn quốc tế về độ chính xác của điện chuyển tiền trong thanh toán quốc tế thông qua việc đạt tỷ lệ

STP (Straight-Through Processing ratio) cao. VPBank là một trong những ngân hàng có tỷ lệ STP cao nhất Việt Nam và là một trong số ít ngân hàng trong khu vực đạt tiêu chuẩn này

✓ VPBank công bố việc thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu với hai màu sắc chủ đạo là xanh đậm và đỏ tươi. VPBank cũng từng bước tăng cường quy mô, mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 310 tỷ đồng và khai trương 12 điểm giao dịch trong cả nước

#### **Năm 2006:**

✓ Tháng 03/2006: VPBank chính thức lựa chọn cổ đông chiến lược là một định chế tài chính nước ngoài – ngân hàng OCBC của Singapore

✓ Ngày 24/04/2006: VPBank ký hợp đồng mua phần mềm hệ thống ngân hàng cốt lõi (core banking) T24 của Temenos – Thụy Sĩ. Hệ thống này sẽ là nền tảng công nghệ để VPBank phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao trong thời gian tới

✓ VPBank khai trương hai công ty con là Công ty Quản lý tài sản VPBank (VPBank AMC) và Công ty Chứng khoán VPBank (VPBS)

✓ Vốn điều lệ đạt 750 tỷ đồng và 18 chi nhánh/phòng giao dịch được khai trương

#### **Năm 2007:**

✓ VPBank cho ra mắt hai dòng sản phẩm thẻ VPBank Master Card Platinum và VPBank MasterCard MC ứng dụng công nghệ thẻ chip theo chuẩn EMV – đây là công nghệ thẻ tiên tiến trên thế giới. Tại Việt Nam, VPBank là ngân hàng tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ này.

✓ Đây là năm mà VPBank mở rộng mạng lưới hoạt động một cách mạnh mẽ với việc khai trương 51 chi nhánh/phòng giao dịch trong cả nước. Vốn điều lệ VPBank đạt 2.000 tỷ đồng.

#### **Năm 2008:**

✓ Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho VPBank bán thêm 5% cổ phần cho OCBC

✓ VPBank ra mắt sản phẩm thẻ VPBank MasterCard E-card – đây là minh chứng cho việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng.

✓ VPBank khai trương thêm 32 chi nhánh/phòng giao dịch nâng tổng số mạng lưới của VPBank lên 135 điểm giao dịch

#### **Năm 2009:**

✓ VPBank ký thỏa thuận hợp tác với Prudential Việt Nam và trở thành đại lý chính thức trong việc thực hiện phân phối gói sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng Bancassurance tới người tiêu dùng

✓ VPBank triển khai dịch vụ internet banking

#### **Năm 2010:**

- ✓ VPBank được NHNN chấp thuận đổi tên sang Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Cùng với việc đổi tên, VPBank cũng chính thức đưa vào sử dụng logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- ✓ Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit
- ✓ VPBank tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng với mạng lưới giao dịch đạt 150 điểm
- ✓ VPBank thuê công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey vào đánh giá chuẩn đoán hoạt động ngân hàng và xây dựng, triển khai chương trình chuyển đổi toàn diện sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại

#### **Năm 2011:**

- ✓ VPBank thay đổi diện mạo các điểm giao dịch với định hướng thiết kế và dịch vụ với phương châm “Tất cả vì khách hàng”
- ✓ VPBank tăng vốn điều lệ lên 5.050 tỷ đồng với mạng lưới giao dịch đạt 199 điểm
- ✓ Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế của VPBank vượt 1.000 tỷ đồng

#### **Năm 2012:**

- ✓ Tháng 08/2012: VPBank công bố chiến lược phát triển giai đoạn 2012-2017 nhằm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017
- ✓ VPBank được trao tặng các giải thưởng uy tín như Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2012 của Bank of New York Mellon (Mỹ), Ngân hàng có chất lượng dịch vụ được hài lòng nhất
- ✓ Phối hợp với McKinsey, VPBank đã xây dựng và triển khai chiến lược thu hồi nợ nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ tại VPBank
- ✓ VPBank xây dựng Chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2013-2017 với sự hỗ trợ của PwC. Đây là bước đi quan trọng của VPBank để xây dựng một nền tảng công nghệ thông tin mạnh, tin cậy nhằm phục vụ cho chiến lược tăng trưởng của VPBank
- ✓ VPBank là thành viên của nhóm 12 ngân hàng hàng đầu Việt Nam (G12). Điều này đã từng bước khẳng định uy tín, năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng của VPBank

#### **Năm 2013:**

- ✓ Tháng 03/2013: Global Banking & Finance Review trao VPBank Giải Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam năm 2013
- ✓ Triển khai thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng điện tử (E-banking): bổ sung chức năng và giao diện Internet Banking, phát triển Mobile Banking
- ✓ Tháng 10/2013: Moody's xếp hạng tín nhiệm của VPBank ở mức B3 và triển vọng Ổn định. Đây là lần đầu tiên Moody's đánh giá tín nhiệm VPBank

- ✓ Lần đầu tiên Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1.000 tỷ đồng

#### **Năm 2014:**

- ✓ Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015
- ✓ VPBank thành lập Trung tâm Phân tích kinh doanh (BICC) với mục đích thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc sử dụng chung dịch vụ Phân tích kinh doanh một cách hiệu quả, đi đôi với cơ chế quản trị dữ liệu tốt
- ✓ Moody's nâng mức triển vọng từ Ổn định lên Tích cực vì bên cạnh tốc độ tăng trưởng cao và ổn định thì VPBank đã có sự đầu tư vào năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và tín dụng tốt
- ✓ VPBank thực hiện mua lại Công ty Tài chính tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPBank FC) và chuyển Khối Tín dụng tiêu dùng của VPBank về VPBank FC
- ✓ VPBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chấp thuận hạn mức tín dụng lần đầu tiên lên tới 30 triệu USD
- ✓ Nhận Giải thưởng “Best Commercial Bank Vietnam 2014” do Tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng uy tín hàng đầu thế giới International Finance Magazine (IFM) trao tặng
- ✓ Nhận Giải thưởng “Best Banking Product Vietnam 2014” cho sản phẩm thẻ VP Lady Card do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng
- ✓ Nhận Giải thưởng “Best Trade Finance Bank Vietnam 2014” do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng

#### **Năm 2015:**

- ✓ VPBank thành lập và đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới như Dịch vụ Tín dụng Tiêu dùng và Dịch vụ Công nghệ số
- ✓ VPBank tiếp tục tập trung hóa dịch vụ khách hàng
- ✓ VPBank đạt được 6 giải thưởng uy tín quốc tế: “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2015”, “Ngân hàng Bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2015” do International Banker trao tặng; “Dịch vụ Ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam 2015” do Tạp chí Asian Banking and Finance Review trao tặng; “Chiến lược quản lý dữ liệu doanh nghiệp năm 2015” do Tổ chức TDWI (The Data Warehousing Institute, Mỹ) trao tặng
- ✓ Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc
- ✓ VPBank được Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng “Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam 2015”

#### **Năm 2016:**

- ✓ Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt gần 16.900 tỷ đồng dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân
- ✓ VPBank nhận được gói tài trợ thương mại trị giá 133 triệu USD từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC)
- ✓ VPBank được tạp chí The Asian Banker trao tặng danh hiệu “Sản phẩm cho vay tín chấp tốt nhất Việt Nam”

VPBank tiên phong triển khai chiến lược ngân hàng số toàn diện với ba gọng kìm: (i) số hóa hoạt động truyền thống nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng, (ii) hợp tác với các công ty fintech để mở rộng các dịch vụ ngân hàng số và (iii) thiết lập mô hình ngân hàng số độc lập với việc ra mắt thương hiệu Timo – Dịch vụ ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam

## **2. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty:**

Các ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng bao gồm:

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác, mã ngành 6419;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm, mã ngành 6622
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), mã ngành 6499
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, mã ngành 6619

## **3. Cơ cấu tổ chức:**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12. Các hoạt động của VPBank tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VPBank hiện có 2 công ty con là: **Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng** và **Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng**

## **4. Cơ cấu cổ đông của Công ty**

Theo Sổ cổ đông chốt ngày 28/07/2017, công ty có 2.552 cổ đông trong đó không có cổ đông lớn.

## **5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

### **❖ Về hoạt động huy động vốn**

Tại 31/12/2016, tổng nguồn vốn huy động của VPBank tăng 19% so với cùng kỳ năm 2015, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá. Trong năm 2016, VPBank đã tập trung phát triển sản phẩm huy động vốn dài hạn thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị tăng trưởng là hơn 26.700 tỷ đồng tương đương tăng

122,6% so với năm trước. Tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2016 đạt 123.788 tỷ đồng, chiếm 61,1% trong tổng nguồn vốn huy động của VPBank. Bên cạnh đó, Tiền gửi và vay các TCTD khác năm 2016 đã tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt mức 28.836 tỷ đồng.

**Chi tiết Nguồn vốn huy động trong các năm qua như sau:**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu  | Năm 2015       |              | Năm 2016       |              | 30/06/2017     |             |
|---|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|-------------|
|   | Giá trị        | Tỷ trọng     | Giá trị        | Tỷ trọng     | Giá trị        | Tỷ trọng    |
| Tiền gửi của khách hàng                               | 130.271        | 76,5 %       | 123.788        | 61.1 %       | 129.614        | 59,1%       |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                         | 17.764         | 10,4 %       | 28.836         | 14.2 %       | 21.061         | 9,6%        |
| <i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>                     | 9.603          | 5,6%         | 13.437         | 6.6%         | 6.797          | 3,1%        |
| <i>Vay các TCTD khác</i>                              | 8.161          | 4,8%         | 15.399         | 7.6%         | 14.264         | 6,5%        |
| Phát hành giấy tờ có giá                              | 21.860         | 12,8 %       | 48.650         | 24.0 %       | 65.828         | 30,0%       |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 383            | 0,2%         | 1.390          | 0.7%         | 2.866          | 1,3%        |
| <b>Tổng</b>   | <b>170.278</b> | <b>100 %</b> | <b>202.664</b> | <b>100 %</b> | <b>219.369</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập*

**❖ Hoạt động tín dụng**

VPBank thực hiện chính sách tín dụng thận trọng và phân tán rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng. Hoạt động tín dụng của VPBank được giữ vững theo phương châm “thận trọng”, không cạnh tranh bằng cách nói lỏng điều kiện tín dụng. Đồng thời, với phương châm “phân tán rủi ro”, VPBank đã chú trọng hỗ trợ tích cực cho các đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, và đáp ứng các nhu cầu tín dụng tiêu dùng cho các cá nhân.

***Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn***

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Năm 2015       | Năm 2016       | 30/06/2017     |
|--|----------------|----------------|----------------|
| <b>Dư nợ cho vay khách hàng</b>                  | <b>116.804</b> | <b>144.673</b> | <b>162.088</b> |
| <i>Tỷ lệ tăng/ giảm dư nợ cho vay khách hàng</i> | -              | 23,9%          | 12,0%          |
| Nợ ngắn hạn                                      | 32.498         | 35.892         | 43.062         |
| Nợ trung hạn                                     | 56.546         | 59.596         | 76.420         |
| Nợ dài hạn                                       | 27.760         | 49.185         | 42.606         |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập  
VPBank có tốc độ tăng trưởng dư nợ năm 2016 đạt 23,9% so với năm 2015 và đạt 144.673 tỷ đồng. Song song với tốc độ tăng trưởng này, chất lượng tín dụng của VPBank vẫn đảm bảo được yêu cầu của NHNN và quy chế của VPBank. Tỷ lệ nợ xấu của VPBank tại thời điểm 31/12/2016 ở mức 2,91% tổng dư nợ.

**Bảng thể hiện Chất lượng dư nợ cho vay**

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Phân loại nợ           | Năm 2015       | Năm 2016       | 30/06/2017     |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 106.714        | 132.511        | 145.900        |
| Nợ cần chú ý           | 6.945          | 7.956          | 11.630         |
| Nợ dưới tiêu chuẩn     | 1.268          | 2.335          | 2.270          |
| Nợ nghi ngờ            | 523            | 975            | 1.194          |
| Nợ có khả năng mất vốn | 1.354          | 896            | 1.094          |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>116.804</b> | <b>144.673</b> | <b>162.088</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập  
Trong năm 2016, Dư nợ cho vay khách hàng của VPBank đạt 144.673 tỷ đồng, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2015 (năm 2015, dư nợ cho vay khách hàng đạt 116.804 tỷ đồng). Trong đó: (i) cho vay khách hàng doanh nghiệp tại 31/12/2016 là 54.700 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2015, (ii) cho vay hộ kinh doanh, cá nhân tại 31/12/2016 là 89.973 tỷ đồng, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2015. Dư nợ của khách hàng doanh nghiệp và của hộ kinh doanh, cá nhân năm 2016 lần lượt chiếm 37,8% và 62,2% tổng dư nợ của VPBank. Trong khi đó, dư nợ của

khách hàng doanh nghiệp và của Hộ kinh doanh, cá nhân năm 2015 lần lượt chiếm 53,3% và 46,7% tổng dư nợ của VPBank. Sự dịch chuyển này đã phản ánh chiến lược xuyên suốt của VPBank là tập trung phát triển phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cùng với tăng trưởng cho vay khách hàng, VPBank đang từng bước nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát chất lượng tín dụng thông qua nhiều biện pháp như (i) Hoàn tất việc triển khai quy trình xử lý và phê duyệt tín dụng tập trung; (ii) Đẩy mạnh và chuyên môn hóa công tác thu hồi nợ.

Bên cạnh đó, VPBank là một trong những ngân hàng đi tiên phong trong việc triển khai Hiệp ước vốn theo chuẩn Basel II, bao gồm việc xây dựng chiến lược tổng thể về công nghệ thông tin để hỗ trợ các phương pháp đo lường rủi ro tín dụng, thị trường, tính toán vốn...

#### ❖ **Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**

##### *Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán từ 2015 đến nay*

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| <b>Chỉ tiêu</b>                             | <b>Năm 2015</b> | <b>Năm 2016</b> | <b>30/06/2017</b> |
|---|-----------------|-----------------|-------------------|
| <i>Thu từ dịch vụ thanh toán</i>            | <i>189</i>      | <i>243</i>      | <i>119</i>        |
| <i>Chi về dịch vụ thanh toán</i>            | <i>(112)</i>    | <i>(156)</i>    | <i>(82)</i>       |
| Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ | 77              | 87              | 37                |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối  | (290)           | (319)           | (43)              |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập*

#### ❖ **Hoạt động ngân hàng đại lý**

Hiện nay, VPBank đã có quan hệ đại lý với hơn 450 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, VPBank cũng đã thiết lập quan hệ với các ngân hàng lớn trên thế giới và có mạng lưới rộng khắp như Citibank, JP Morgan Chase, Standard Chartered Bank, Deutsche Bank, Commerzbank, ICBC...

VPBank mở và duy trì tài khoản Nostro của các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CNY tại các ngân hàng hàng đầu, nhằm phục vụ yêu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho VPBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để VPBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Ngoài ra, VPBank đang tham gia chương trình tài trợ thương mại



của các tổ chức ADB, IFC với tổng hạn mức bảo lãnh, chia sẻ rủi ro tại 31/12/2016 là 71 triệu USD.

#### ❖ **Hoạt động dịch vụ khác**

##### **- Dịch vụ Bảo lãnh**

Các loại hình bảo lãnh do VPBank cung cấp bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh chất lượng sản phẩm và bảo lãnh vay nợ. Thu nhập ròng từ phí và phí môi giới của các dịch vụ bảo lãnh này đóng góp một phần vào doanh thu của Ngân hàng.

##### **- Dịch vụ thẻ**

Hiện nay, VPBank đã phát hành tổng cộng 28 loại thẻ, gồm 3 loại thẻ nội địa và 25 loại thẻ quốc tế thương hiệu MasterCard. VPBank hiện đã là thành viên chính thức của các tổ chức thẻ và tổ chức chuyên mạch lớn trong và ngoài nước như: Napas, VNBC, MasterCard, Visa.

Tháng 5/2015, VPBank đã chính thức triển khai sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Priority Platinum MasterCard dành riêng cho phân khúc khách hàng ưu tiên với mục tiêu đa dạng hóa các loại thẻ tín dụng và cung cấp các ưu đãi riêng biệt dành cho phân khúc khách hàng ưu tiên này.

Cùng với việc khuyến khích sử dụng giao dịch thẻ, VPBank mở rộng đối tượng khách hàng sử dụng thẻ nhằm đưa thẻ đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau trên cả nước. Kết quả đạt được là trong năm 2016, VPBank đã phát hành mới được gần 350.000 thẻ. Thẻ ghi nợ nội địa vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn 70% trong tổng số thẻ phát hành. Thẻ tín dụng quốc tế vẫn tiếp tục tăng trưởng đều qua các năm, cụ thể năm 2016 phát hành mới trên 90.000 thẻ, trong 6 tháng đầu năm 2017 con số này là gần 70.000 thẻ.

##### **- Dịch vụ giá trị gia tăng**

#### ***Quản lý dòng tiền***

VPBank là một trong những ngân hàng cung cấp dịch vụ quản lý dòng tiền đa dạng nhất với khoảng 14 sản phẩm chính như dịch vụ tài khoản (VP Business), dịch vụ ngân hàng điện tử VPBank online, dịch vụ thu hộ, dịch vụ chi hộ... Qua đó giúp khách hàng quản lý hiệu quả dòng tiền của mình với phương thức và địa điểm phù hợp nhất với nhu cầu của khách hàng. Các sản phẩm thu chi tiền, chuyển tiền, thanh toán tiền, thẻ VPBiz Card... của VPBank đang được nhiều khách hàng tin tưởng và lựa chọn để thực hiện công việc một cách dễ dàng, thuận tiện và tiết kiệm nhất.

#### ***Bảo hiểm***

Nhằm mang lại tiện ích tốt nhất cho khách hàng, VPBank cũng hợp tác với những công ty bảo hiểm uy tín như AAA, PVI để mang lại những giải pháp chăm sóc toàn diện cho khách hàng.

#### ***Dịch vụ Ngân hàng công nghệ số***

Số hóa là một trong những chiến lược quan trọng của VPBank, thể hiện tầm nhìn của Ban lãnh đạo đối với tương lai ngành ngân hàng và sự thay đổi trong hành vi khách hàng. Do đó, VPBank đã thành lập một đơn vị chuyên trách – tập trung triển khai định hướng chủ yếu của chiến lược số hóa. Là một trong những ngân hàng tiên phong, đón đầu xu thế sử dụng các sản phẩm dịch vụ trực tuyến, VPBank đang cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho phép khách hàng tiếp cận và sử dụng hầu hết các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng trên các kênh Internet, điện thoại di động, SMS... qua đó giúp khách hàng có thể sử dụng sản phẩm dịch vụ của VPBank tại bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Năm 2016, VPBank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường đã số hóa thành công các sản phẩm thấu chi khách hàng trả lương, thấu chi trên tài khoản thanh toán (Sm@rt OD), thẻ tín dụng phê duyệt trước và thẻ tín dụng Timo. Việc hợp tác với các đơn vị fintech - là các công ty kinh doanh dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ, đặc biệt là Timo, đã cho ra đời các dịch vụ tài chính khác biệt như đăng ký mở tài khoản hoàn toàn online; quản lý dòng tiền theo mục tiêu với lãi suất cao và linh hoạt; được cấp thẻ tín dụng quốc tế miễn phí ngoại tệ chi tiêu ở nước ngoài; ứng trước khoản vay khi tài khoản hết tiền với lãi suất hấp dẫn và kỳ hạn linh hoạt, v.v. Những dịch vụ này đã tạo ra làn gió mới trong ngành ngân hàng về những dịch vụ hiện đại, thuận tiện cho khách hàng.

### ***Dịch vụ cá nhân***

VPBank là một trong các ngân hàng cung cấp dịch vụ cá nhân đa dạng nhất cung cấp đến tận nơi cho khách hàng. Ngoài các dịch vụ thông dụng như chuyển tiền, chi lương..., VPBank còn cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu chuyên biệt mà khách hàng khó tìm được ở các nơi khác như dịch vụ ngân hàng tại chỗ, kiểm định ngoại tệ, nhận tiền Western Union trực tuyến..., qua đó mang lại những lợi ích tốt nhất cho khách hàng.

### ***Sản phẩm tài chính***

VPBank cung cấp các sản phẩm ngoại hối, mua bán hoán đổi ngoại tệ phù hợp với nhu cầu của khách hàng và mức phí cạnh tranh trên thị trường. VPBank cũng hỗ trợ các khách hàng doanh nghiệp lớn phát hành trái phiếu để giúp doanh nghiệp huy động được lượng vốn lớn, đa dạng hóa nhà đầu tư và xây dựng được hình ảnh đẹp của doanh nghiệp.

#### **❖ Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán**

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán của VPBank bao gồm (i) chứng khoán kinh doanh và (ii) chứng khoán đầu tư.

#### ***Chứng khoán kinh doanh của VPBank từ 2015 đến nay***

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| <b>Chỉ tiêu</b>       | <b>Năm 2015</b> | <b>Năm 2016</b> | <b>30/06/2017</b> |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| <b>Chứng khoán nợ</b> | <b>2.047</b>    | <b>2.954</b>    | <b>4.866</b>      |
| Đã niêm yết           | 2.047           | 2.745           | 4.658             |

|                        |              |              |              |
|------------------------|--------------|--------------|--------------|
| Chưa niêm yết          | -            | 208          | 208          |
| <b>Chứng khoán vốn</b> | -            | -            |              |
| <b>Tổng</b>            | <b>2.047</b> | <b>2.954</b> | <b>4.866</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập*

Tại thời điểm 31/12/2016, chứng khoán kinh doanh của VPBank tăng 44,3% so với cùng kỳ năm 2015. Cơ cấu chứng khoán của VPBank trong năm 2016 chủ yếu là chứng khoán nợ gồm (i) Trái phiếu Chính phủ và (ii) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng. Chi tiết như sau:

Năm 2016 là một năm để lại nhiều dấu ấn đối với các hoạt động đầu tư dài hạn của Ngân hàng. Trong năm danh mục đầu tư dài hạn đã được cơ cấu, điều chỉnh theo hướng giảm thiểu đầu tư trực tiếp, chỉ đầu tư có chọn lọc vào một số khoản trái phiếu doanh nghiệp có margin lợi nhuận tốt được chào bán trên thị trường nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho VPBank.

Bên cạnh đó, VPBank còn thực hiện hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá. VPBank luôn duy trì mức đầu tư giấy tờ có giá trung bình vào khoảng trên 20% tổng tài sản, chủ yếu tập trung vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro thấp như Trái phiếu Chính phủ hoặc Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá đã tận dụng được một số cơ hội để hiện thực hóa lợi nhuận đúng thời điểm, tái cơ cấu danh mục đầu tư nhằm xây dựng một danh mục có tính thanh khoản cao. Đặc biệt, VPBank đã đứng thứ 5 trong bảng xếp hạng năm 2016 của khối ngân hàng thương mại do Bộ Tài chính công bố. Với kết quả này, VPBank tiếp tục được Bộ Tài chính công nhận là 1 trong số 23 thành viên đầu thầu của Bộ trong năm 2017.

#### ❖ **Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn**

Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong năm 2015 của VPBank đánh dấu một sự kiện quan trọng, VPBank đã thoái 89% vốn của Ngân hàng tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS). Tại thời điểm 31/12/2016, VPBank chỉ còn sở hữu 11% vốn điều lệ của VPBS. Ngoài ra trong năm 2015, VPBank cũng tham gia vào việc mua đầu giá cổ phần của CTCP Cảng Sài Gòn. Tỷ lệ sở hữu của VPBank tại CTCP Cảng Sài Gòn là 7,44% vốn điều lệ của CTCP Cảng Sài Gòn, tương ứng với 16.090.000 cổ phần.

#### ❖ **Hoạt động mua bán nợ**

Hoạt động mua bán nợ của VPBank thông qua Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (VPBank AMC).

VPBank AMC được thành lập vào năm 2006 với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán nợ và xử lý nợ.

Kết quả thu hồi nợ của VPBank AMC luôn đạt ngưỡng trên 80% so với chỉ tiêu và tăng đều qua các năm đối với cả 2 phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Để thực hiện tốt việc thu hồi nợ, bên cạnh các phương pháp xử lý nợ thông thường, VPBank AMC không ngừng đầu tư và phát triển các hệ thống, công cụ để nâng cao chất lượng xử lý nợ. Điền

hình đầu năm 2016, VPBank AMC đã ứng dụng phần mềm Voice Blaster và Phần mềm gửi SMS nhắc nợ tự động để nâng cao hiệu quả xử lý nợ. Bên cạnh đó, trong năm 2016, VPBank AMC cũng đã triển khai Phần mềm thu hồi nợ và gọi điện thoại tự động. Các phần mềm này đã giúp cán bộ xử lý nợ của VPBank AMC nâng cao hiệu quả làm việc so với việc thực hiện thủ công, tăng số lượng cuộc gọi, số lượng tin nhắn SMS đến khách hàng, giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả xử lý nợ.

#### ❖ **Hoạt động tài chính tiêu dùng**

Năm 2010, VPBank đã thành lập Khối Tín dụng Tiêu dùng với định hướng tập trung vào hoạt động cho vay tiêu dùng (*dưới thương hiệu FE Credit*) – một thị trường mà Ban Lãnh đạo VPBank đánh giá rất tiềm năng.

Vào tháng 7 năm 2014, VPBank thực hiện mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam, đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV VPBank (VPBFC), và chuyển dần hoạt động của Khối Tín dụng Tiêu dùng sang công ty này. Năm 2015 là năm đầu tiên hoạt động tài chính tiêu dùng của VPBank vận hành hoàn toàn theo mô hình công ty con của VPBank.

Hoạt động kinh doanh chính của FE Credit là cho vay tiêu dùng cá nhân. Bên cạnh đó, FE Credit còn có hoạt động huy động vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính.

#### - **Cho vay tiêu dùng**

Sản phẩm cho vay tiêu dùng của FE Credit khá đa dạng, bao gồm các sản phẩm như sau:

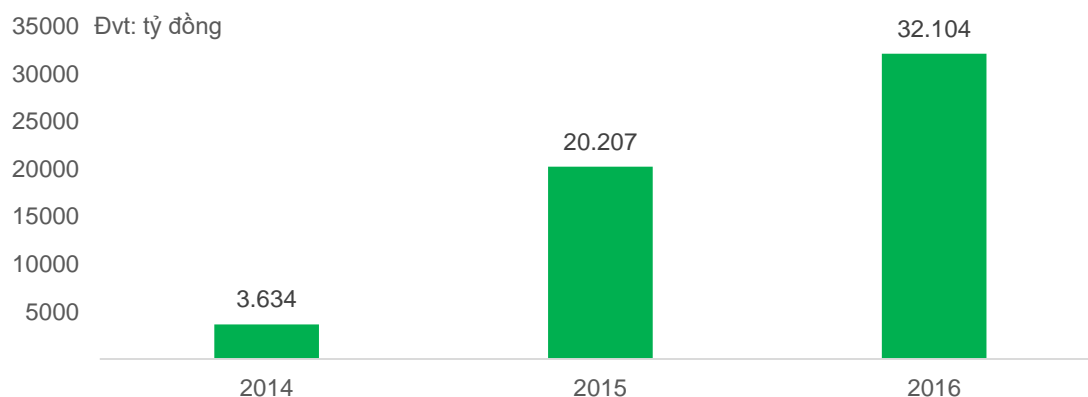
- Cho vay mua hàng gia dụng (Consumer Durables Loan – CDL) cho các khách hàng có nhu cầu mua sắm tại các hệ thống/trung tâm phân phối sản phẩm điện máy, điện thoại di động và hàng điện tử như: Thế Giới Di Động, FPT Shop, Viettel, Nguyễn Kim, ...
- Cho vay mua xe máy trả góp (Two-Wheelers Loan – TWL) cho các khách hàng mua xe máy tại các showroom bán xe máy trên toàn quốc.
- Cho vay tiền mặt bao gồm Vay tiền mặt cho khách hàng mới (Personal Loans New-To-Bank - PLNTB) và Vay tiền mặt qua hình thức bán chéo sản phẩm (Personal Loan XS/TU) thông qua các Kênh Bán hàng Trực Tiếp (Direct Sales), Bán hàng Qua điện thoại (Telesales), ...
- Thẻ tín dụng (Credit Card) dành cho khách hàng mới (Credit Card New-to-bank), bán chéo (Credit Card XS), bán kèm với sản phẩm CDL.

Để tiết kiệm chi phí bán hàng và thu hồi nợ cũng như bắt kịp xu hướng tiêu dùng của khách hàng, FE Credit đã triển khai sản phẩm cho vay tiêu dùng thông qua phát hành thẻ tín dụng quốc tế vào năm 2015. Đây là sản phẩm mới mang tính tiên phong của FE Credit so với các công ty đối thủ.

Khác với các công ty đối thủ, FE Credit chú trọng đẩy mạnh sản phẩm cho vay tiền mặt (PL-Xsell và PL-NTB) để phục vụ các nhu cầu của cá nhân ngoài các sản phẩm cho vay mua hàng điện máy và xe gắn máy. Với chiến lược chiếm lĩnh thị trường khác biệt và tiềm năng rất lớn

của thị trường tín dụng tiêu dùng chưa khai phá, FE Credit đã có sự bứt phá ngoạn mục về tốc độ tăng trưởng tín dụng cũng như thị phần trong thời gian qua.

### Tăng trưởng tín dụng của FE Credit



Thị trường cho vay hàng tiêu dùng lâu bền, cho vay mua xe máy hai bánh đã khá bão hòa và số tiền mỗi khoản vay không quá lớn nên tỷ trọng dư nợ của hai sản phẩm này trong tổng dư nợ cho vay của FE Credit không cao.

Bên cạnh đó, chất lượng tín dụng về cơ bản được kiểm soát. Hoạt động tín dụng chủ yếu là cho vay khách hàng cá nhân theo hình thức tín chấp. Năm 2015 nợ nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn chiếm gần 78,5%, nợ nhóm 2 chiếm 17,5% và nợ xấu chiếm 4,05%. Nợ xấu tại 31/12/2016 chiếm khoảng 5,48% chủ yếu do tăng tỷ trọng nợ nhóm 3, tỷ trọng nợ nhóm 4 giảm mạnh và tỷ trọng nợ nhóm 5 không thay đổi. FE Credit đã trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

#### - Huy động vốn

Nguồn vốn huy động của FE Credit đến chủ yếu từ các sản phẩm huy động (nhận tiền gửi có kỳ hạn và phát hành Chứng chỉ tiền gửi) dành cho khách hàng là các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra Công ty còn sử dụng nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng nước ngoài và nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng trong nước. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của FE Credit khá nhanh. Năm 2013, huy động vốn đạt 350,7 tỷ đồng, năm 2014 đã tăng mạnh lên 2.105 tỷ đồng và năm 2015 tăng trưởng vượt bậc đạt hơn 14.132 tỷ đồng. Mức tăng trưởng huy động vốn đã phản ánh phần nào tốc độ tăng trưởng nhu cầu sử dụng vốn cho Công ty. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, hoạt động huy động vốn của FE Credit đạt hơn 29 ngàn tỷ đồng.

#### - Mạng lưới khách hàng

Bắt đầu từ Khối Tín dụng Tiêu dùng thành lập năm 2010 với sản phẩm đầu tiên là vay mua xe máy trả góp. Đến năm 2016, mạng lưới của FE Credit liên tục được mở rộng và hiện đã phủ khắp 64 tỉnh thành, bao gồm:

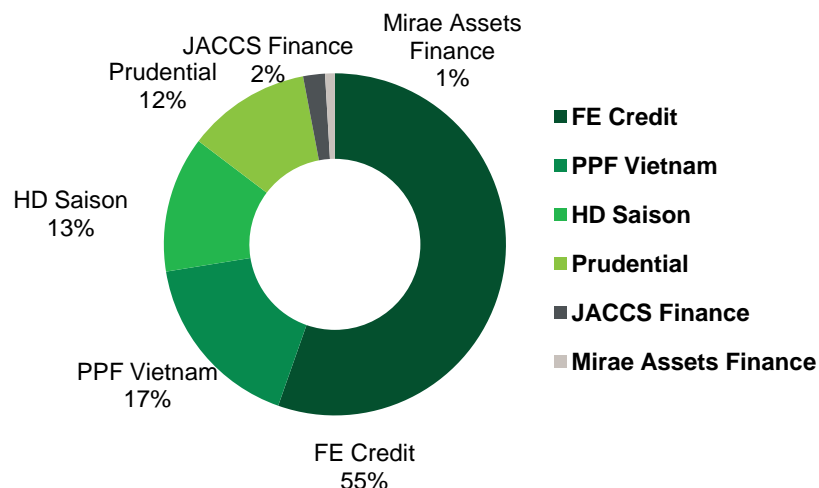
- Hơn 8.000 điểm bán hàng (POS);
- Gần 2.000 nhân viên bán hàng trực tiếp;
- Hơn 1.000 nhân viên bán hàng qua điện thoại;

- Hơn 6.500 chuyên viên tư vấn tín dụng tại POS.

### - Thị phần

Công ty Tài chính VPBank là một trong những Công ty Tài chính tiêu dùng hàng đầu trên thị trường. Năm 2015, FE Credit đã tăng trưởng vượt bậc, với tổng dư nợ cao gấp 3 lần so với doanh nghiệp đứng thứ 2 trên thị trường dù chỉ mới gia nhập vào thị trường năm 2010, sau đổi thủ 3 năm.

### Thị phần của các công ty tài chính tiêu dùng năm 2015



*Nguồn: Stoxplus*

Kết quả hoạt động kinh doanh của FE Credit trong các năm qua luôn tăng trưởng và đạt kết quả rất ấn tượng về lợi nhuận lẫn chỉ tiêu an toàn vốn.

### Một số chỉ tiêu hoạt động của FE Credit

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|                     | Năm 2015 | Năm 2016 | 30/06/2017 |
|---------------------|----------|----------|------------|
| Tổng tài sản        | 23.084   | 36.522   | 43.809     |
| Tổng Vốn chủ sở hữu | 2.696    | 5.077    | 4.445      |
| Thu nhập lãi thuần  | 3.724    | 7.907    | 5.324      |
| CAR                 | 11,08%   | 11,95%   | 9,45%      |

*Nguồn: BCTC Kiểm toán 2015, 2016 và Quý II của FE Credit*

### 6. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất đối với hoạt động của VPBank. Năm 2012, VPBank chính thức thành lập Khối Quản trị Rủi ro. Hệ thống Quản trị rủi ro được



Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Riêng lẻ |         |             |            | Hợp nhất |         |             |            |
|--|----------|---------|-------------|------------|----------|---------|-------------|------------|
|  | 2015     | 2016    | % tăng giảm | 30/06/2017 | 2015     | 2016    | % tăng giảm | 30/06/2017 |
| Tổng giá trị tài sản                                   | 179.518  | 200.768 | 11.8%       | 211.207    | 193.876  | 228.771 | 18.0%       | 248.713    |
| Vốn chủ sở hữu   | 12.296   | 15.054  | 22.4%       | 18.055     | 13.389   | 17.177  | 28.3%       | 19.523     |
| Tổng thu nhập hoạt động (TOI)                          | 7.964    | 9.228   | 15.9%       | 7.095      | 12.066   | 16.864  | 39.8%       | 11.297     |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành                   | 408      | 498     | 22.1%       | 390        | 700      | 994     | 42.0%       | 658        |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 1.998    | 3.403   | 70.3%       | 3.635      | 3.096    | 4.929   | 59.2%       | 3.264      |
| % LNTT/TOI   | 25.1%    | 36.9%   | 47.0%       | 51.2%      | 25.7%    | 29.2%   | 13.9%       | 28.9%      |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 1.589    | 2.905   | 82.8%       | 3.245      | 2.396    | 3.935   | 64.2%       | 2.606      |
| % LNST/TOI   | 20.0%    | 31.5%   | 57.8%       | 45.7%      | 19.9%    | 23.3%   | 17.5%       | 23.1%      |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân | 15.1%    | 21.2%   | 40.3%       | 19.6%      | 21.4%    | 25.7%   | 20.2%       | 14.2%      |

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất các năm 2015,2016, Quý II/2017 do VPBank tự lập



## 9. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức:

Bảng: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 - 2018

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Riêng lẻ |          |                             |          |                             | Hợp nhất |          |                             |            |                             |
|--|----------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|----------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
|  | Năm 2016 | Năm 2017 |                             | Năm 2018 |                             | Năm 2016 | Năm 2017 |                             | Năm 2018   |                             |
|  |          | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2016 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2017 |          | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2016 | Kế hoạch   | % tăng giảm so với năm 2017 |
| Vốn chủ sở hữu                                     | 15.054   | 23.716   | 57,5%                       | 27.586   | 16,3%                       | 17.177   | 29.208   | 70,0%                       | 36.183     | 30,1%                       |
| Dư nợ cho vay khách hàng                           | 112.568  | 141.427  | 25,6%                       | 179.326  | 26,8%                       | 144.673  | 183.462  | 26,8%                       | 231.870    | 26,4%                       |
| Lợi nhuận sau thuế                                 | 2.904    | 2.384    | (17,9%)                     | 4.015    | 68,4%                       | 3.935    | 5.754    | 46,2%                       | 8.528      | 48,4%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Dư nợ cho vay khách hàng | 2,6%     | 1,7%     | (34,7%)                     | 2,2%     | 32,8%                       | 2,7%     | 3,1%     | 14,8%                       | 3,7%       | 19,4%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | 21,2%    | 12,3%    | (42,1%)                     | 15,7%    | 27,3%                       | 25,7%    | 24,8%    | (3,6%)                      | 25,5%      | 3,1%                        |
| Cổ tức   | N/A      | N/A      | -                           | N/A      | -                           | 18,75%   | 32,83%   | 75,1%                       | Khoảng 15% | -                           |

Nguồn: VPBANK

Ghi chú: Kế hoạch Lợi nhuận riêng lẻ năm 2017, 2018 chưa bao gồm Lợi nhuận dự kiến từ công ty con chuyển về

## 10. Trình độ công nghệ:

Công nghệ thông tin luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của VPBank và đặc biệt là trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu “đưa VPBank trở thành một trong ba ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam”. Bên cạnh đó, để phục vụ tốt nhất và mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, VPBank coi Ngân hàng điện tử (*E-banking bao gồm VPBank Online (bao gồm cả giao diện Web và trên các thiết bị di động), VPBank SMS*) là một phần rất quan trọng trong chiến lược phát triển của mình.

Giải thưởng Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam năm 2015 do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng là sự ghi nhận những nỗ lực và thành công của VPBank trong năm 2015.

Trong năm 2016, VPBank đã có trên 160.000 lượt đăng ký mới E-banking, nâng tổng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ E-banking của VPBank lên gần 300.000 người, tăng 157% so với cuối năm 2015. Trong đó, VPBank Mobile có trên 65.000 người sử dụng, đạt tốc độ tăng trưởng 236% so với năm 2015. Số lượng giao dịch tài chính qua E-banking đạt mốc 5,7 triệu, tăng 238% so với năm 2015. Giá trị giao dịch tăng 214% và đạt gần 109.000 tỷ đồng. Nếu tính cả các giao dịch qua kênh ATM/POS, giao dịch trên E-banking chiếm trên 72,6% tổng giao dịch toàn hệ thống VPBank.

Năm 2016, mảng hoạt động ngân hàng điện tử của VPBank được ba giải thưởng danh giá do ba tổ chức uy tín trao tặng là The Financial Review, IDG và NAPAS.

Không chỉ phát triển cho khách hàng cá nhân, hệ thống E-banking dành cho khách hàng doanh nghiệp cũng được quan tâm và đầu tư xứng đáng. Hiện nay, VPBank có khoảng 15.000 khách hàng doanh nghiệp thực hiện giao dịch qua kênh VPBank Online, với hơn 400.000 giao dịch tài chính được thực hiện qua VPBank Online của khách hàng doanh nghiệp trong một năm và tổng giá trị giao dịch đạt gần 40.000 tỷ đồng.

VPBank đã tích cực chuyển đổi, xây dựng một nền tảng Công nghệ thông tin vững chắc đáp ứng nhu cầu phát triển của VPBank

## 11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### *Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của VPBank*

| Chỉ tiêu                                 | Đơn vị tính | Riêng lẻ   |            | Hợp nhất   |            |
|--|-------------|------------|------------|------------|------------|
|  |             | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
| <b>1. Quy mô vốn</b>                     |             |            |            |            |            |
| Vốn điều lệ                              | tỷ đồng     | 8.056      | 9.181      | 8.056      | 9.181      |
| Tổng tài sản có rủi ro*                  | tỷ đồng     | 105.085    | 117.970    | 120.259    | 150.204    |
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) *                | %           | 11,6%      | 13,0%      | 12,20%     | 13,23%     |
| <b>2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |             |            |            |            |            |

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Riêng lẻ   |            | Hợp nhất   |            |
|---|-------------|------------|------------|------------|------------|
|   |             | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
| Doanh số huy động tiền gửi và giấy tờ có giá ** | tỷ đồng     | 1.342.386  | 1.634.703  | 1.360.630  | 1.665.592  |
| Doanh số cho vay ***                            | tỷ đồng     | 132.747    | 130.952    | 163.505    | 167.135    |
| Doanh số thu nợ ***                             | tỷ đồng     | 111.054    | 114.980    | 126.535    | 139.266    |
| Nợ quá hạn ****                                 | tỷ đồng     | 6.713      | 7.447      | 8.864      | 11.344     |
| Nợ khó đòi ****                                 | tỷ đồng     | 2.345      | 2.282      | 3.145      | 4.207      |
| Hệ số sử dụng vốn                               |             |            |            |            |            |
| Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân             | %           | 15,15%     | 21,24%     | 21,42%     | 25,75%     |
| Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân (ROAA) | %           | 0,94%      | 1,53%      | 1,34%      | 1,86%      |
| Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh  | %           | 0,001%     | 1,660%     | 0,001%     | 1,660%     |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ                    | %           | 6,95%      | 6,62%      | 7,59%      | 7,84%      |
| Tỷ lệ nợ khó đòi/ Tổng dư nợ                    | %           | 2,4%       | 2,0%       | 2,69%      | 2,91%      |
| <b>3. Khả năng thanh toán *</b>                 |             |            |            |            |            |
| Khả năng thanh toán ngay                        | %           | 12,39%     | 15,10%     | N/A        | N/A        |
| Khả năng chi trả ngay trong vòng 30 ngày        | %           |            |            |            |            |
| VND   |             | 73,17%     | 62,31%     | N/A        | N/A        |
| Ngoại tệ khác                                   |             | 129,53%    | -36,26%    | N/A        | N/A        |

Nguồn: VPBank

Ghi chú:

(\*): tính theo quy định trong Thông tư 36 và Thông tư 06 sửa đổi Thông tư 36 về tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng

(\*\*): được xác định bằng tổng phát sinh có của số dư huy động tiền gửi và giấy tờ có giá phát hành trong năm

(\*\*\*): tính theo quy định của Thông tư 31/NHNN

(\*\*\*\*): xác định theo quy định của Thông tư 02/NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quyết định của Thông tư 10/2014 hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng

## **12. Một số rủi ro lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh**

Ngoài những rủi ro về pháp luật, tốc độ tăng trưởng kinh tế, các rủi ro bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của VPBank như: thiên tai, địch họa, lụt lội, cháy, nổ, khủng bố, v.v. .. VPBank còn có các rủi ro đặc thù như: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động ngoại bảng... (chi tiết tại trang 5 đến trang 9 Bản cáo bạch niên yết)